

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày 16/9/2024

V/v: Xin ly hôn, tranh chấp quyền  
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Văn Tùng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Hoàng Văn Tâm.

2. Ông: Nông Xuân Kiên.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:** Bà Ma Kim Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 56/2024/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXHNGĐ - ST ngày 20 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2024/QĐ-TA ngày 05/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nông Thị B, sinh năm 1991; Vắng mặt có lý do;

Địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở hiện nay: xóm L, xã N, huyện Q, tỉnh Cao Bằng;

- Bị đơn: Anh Ngân Văn T, sinh năm 1990; Vắng mặt không lý do.

Địa chỉ: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 27/6/2024 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn Nông Thị B trình bày: Chị đăng ký kết hôn với anh Ngân Văn T vào ngày 21/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng, việc đăng ký do hai bên tự nguyện thực hiện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, chị B nhận ra giữa hai người có nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, làm cho cuộc sống hôn nhân không được hạnh phúc. Vì vậy hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai bên không còn liên lạc hỏi thăm, cũng không có ý định hàn gắn lại vợ chồng. Hiện nay, chị B xác định đã không còn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Ngân Văn T. Về con chung, có cháu Ngân Ngọc H, sinh ngày 31/10/2015. Hiện nay cháu H đang sống cùng mẹ tại huyện Q, tỉnh Cao Bằng. Chị B đề nghị sau khi ly hôn, chị sẽ tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu, đề nghị anh T có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung 2.000.000đ mỗi tháng. Về tài sản chung, nợ chung xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 19/8/2024, ông Ngân Bá Nguyễn – bố đẻ của anh Ngân Văn T cho biết anh Ngân Văn T hiện nay không có mặt tại địa phương, đã đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh, thỉnh thoảng lễ, tết vẫn về nhà. Việc chị B làm đơn ly hôn với anh T ông không biết, còn anh T biết không thì ông không rõ. Ông không nắm được cuộc sống hôn nhân giữa hai con có mâu thuẫn gì không, tuy nhiên lúc trước thì chị B vẫn đối xử tốt với bố mẹ chồng và không có mâu thuẫn gì. Cách đây khoảng 2- 3 năm thì B đã cắt liên lạc với gia đình chồng và đưa con về ngoại sinh sống tới nay.

Tại biên bản xác minh ngày 19/8/2024, anh Ngân Văn Th – em trai của anh Ngân Văn T cho biết anh làm việc tại Đoàn thanh niên xã T và có được nhận giấy triệu tập mà Tòa án gửi cho anh T. Sau khi nhận được, anh đã chụp ảnh và gửi qua mạng xã hội facebook cho anh T do anh T đã đi làm tại Bắc Ninh khoảng 2 năm nay. Anh không rõ địa chỉ nơi ở và địa chỉ công ty cụ thể mà anh T đang sinh sống, làm việc.

Do anh T không có mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thông qua tóm tắt nội dung, công bố tài liệu, chứng cứ và các yêu cầu cần giải quyết của vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo và chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Khoản 1 Điều 56, 57, 82, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nông Thị B được ly hôn với anh Ngân Văn T;

- Về con chung: Giao con chung cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Do anh T không có công việc, thu nhập ổn định nên mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ là hơi cao, nên chấp nhận mức mỗi tháng 1.500.000đ, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 10/2024.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về án phí: Chị B phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, anh T chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp*: Bị đơn Ngân Văn T có hộ khẩu thường trú tại: Xóm C, xã T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ yêu cầu khởi kiện Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết là ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về tố tụng*: Bị đơn Ngân Văn T vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy Tòa án đã triệu tập bị đơn để lấy lời khai và hòa giải theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng anh T cố tình trốn tránh không hợp tác, không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai của anh Hoàng Văn Tuyên liên quan đến yêu cầu khởi kiện của vụ án được. Anh T không có ý kiến đề bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Đối với chị B đã có lời khai và đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị B và anh Ngân Văn Tuyên đăng ký kết hôn vào ngày 21/5/2015 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng. Việc đăng ký là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Như vậy, việc kết hôn giữa chị B và anh T là hợp pháp và quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận từ ngày đi đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc và có với nhau một con chung, nhưng sau đó giữa hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong xử lý các vấn đề, dẫn tới đời sống hôn nhân không được hạnh phúc như mong muốn. Vì vậy chị B đã cùng con chung về nhà mẹ đẻ sinh sống tại xóm L, xã N, huyện Q, tỉnh Cao Bằng từ năm 2020 cho đến nay. Thế nhưng trong thời gian đó, anh T không có hành động cứu

văn hôn nhân, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng, giữ thái độ lạnh nhạt, không quan tâm tới vợ và con cái. Từ khi ly thân đến nay, anh chị cũng không còn liên lạc với nhau. Mặc dù biết vợ làm đơn ly hôn nhưng anh T cũng không đến Tòa trình bày ý kiến để bảo vệ quyền lợi của mình. Từ những phân tích và nhận định trên đây, xét thấy cuộc sống vợ chồng chị B và anh T không thể hàn gắn lại được, gia đình không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị B và ý kiến của Kiểm sát viên là có căn cứ nên cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4]. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Giữa chị B và anh T có 01 con là Ngân Ngọc H, sinh ngày 31/10/2015, hiện nay cháu đang sống cùng chị B. Từ năm 2020 khi chị B đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh T không có động thái hỏi thăm, quan tâm tới con. Tại đơn trình bày nguyện vọng ngày 30 tháng 7 năm 2024 đối với cháu H, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ do đã sinh sống với mẹ từ nhỏ. Xét thấy, cháu H cũng đã sống cùng mẹ từ nhỏ, nếu thay đổi môi trường sống sẽ ảnh hưởng đến việc sinh hoạt, học tập của các cháu. Hiện nay anh T cũng không biết đi làm gì, ở đâu, thu nhập thế nào. Vì vậy, cần giao cháu H cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị B yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung với mức 2.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử nhận thấy hơi cao so với mặt bằng chung của người không có công việc thu nhập ổn định như anh T. Do đó buộc anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 10 năm 2024 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Chị B phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm; Anh T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 82, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nông Thị B được ly hôn với anh Ngân Văn T.
2. *Về con chung*: Giao cháu Ngân Ngọc H, sinh ngày 31/10/2015 cho chị Nông Thị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T phải cấp dưỡng nuôi

con chung mỗi tháng là 1.500.000đ cho đến khi con chung đủ 18 tuổi (Hoặc đến khi có bản án, quyết định khác của Tòa án thay thế), phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10/2024.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở. Vì quyền lợi của con, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

3. *Về tài sản chung*: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Nông Thị B phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Ngân Văn T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung để sung quỹ Nhà nước. Xác nhận chị B đã nộp 300.000đ tại biên lai thu nộp án phí, lệ phí Tòa án số 0002695 ngày 28/6/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị B, anh T có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nông Văn Tùng**